TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2023/DS-ST Ngày: 12/4/2023 V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Như
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Bà Nguyễn Thị Bé Em
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia:*** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Quang H**, sinh năm 1986;

Cư trú: số A ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; cư trú: số H ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; theo văn bản ủy quyền ngày 27/01/2023.

- Bị đơn: Ông **Dương Văn X**, sinh năm 1979;

Cư trú: số A khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Ông H, bà Minh có mặt; Ông X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Trần Quang H trình bày*:**

Ông Trần Quang H và ông Dương Văn X là bạn bè với nhau, do ông X cần tiền làm ăn nên vào ngày 06/9/2022 ông H có cho ông X vay tiền, cụ thể:

- Số tiền vay: 600 triệu đồng.

- Mục đích vay: ông X đang làm công trình xây dựng, ông X cần tiền để trả lương cho công nhân.

- Thời hạn vay: từ ngày 06/9/2022 đến ngày 07/12/2022.

- Lãi suất: không có lãi vay.

Khi vay tiền, các bên có lập hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng công chứng T; chữ viết và chữ ký của Bên B (bên vay) trong hợp đồng là chữ viết và chữ ký của ông X. Số tiền 600 triệu đồng được giao một lần, tại nhà của ông X; việc giao nhận tiền chỉ có ông và ông X, không còn ai khác. Đến thời hạn trả nợ, ông X không trả cho ông H số tiền đã vay mặc dù ông H đã đến nhà và gọi điện thoại nhiều lần cho ông X. Nay, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông X có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền gốc 600 triệu đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Ngoài ra, ông H không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Dương Văn X: quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Văn X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng ông X vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M trình bày: ông H yêu cầu ông X trả số tiền 600 triệu đồng căn cứ theo hợp đồng vay tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng T. Đối với phần tiền lãi, ông H yêu cầu ông X trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với số tiền là 19.400.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông H yêu cầu ông X trả là 619.400.000 đồng. Ngoài ra, ông H không còn yêu cầu nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội Thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông X có nghĩa vụ trả cho ông H tổng số

tiền gốc và lãi là 619.400.000 đồng; Về án phí, ông X phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: căn cứ đơn khởi kiện ngày 23/12/2022 (BL 03, 04), ông Trần Quang H khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn X trả tiền vay còn thiếu, việc giao dịch tiền giữa các bên xảy ra vào năm 2022, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công X , phường P, thành phố B (BL45) thấy rằng: ông X có đăng ký thường trú tại số A khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bên cạnh đó, tại hợp đồng vay tài sản ngày 06/9/2022 thể hiện ông X có nơi thường trú là số A khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Trong đơn khởi kiện, ông Trần Quang H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông Dương Văn X nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Trong vụ án này, bị đơn ông Dương Văn X thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản mà không thông báo cho ông H biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định pháp luật nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật và xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Dương Văn X là số A khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông X theo đúng quy định tại các điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông X vắng mặt. Việc ông X vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản ngày 06/9/2022, thấy rằng: ngày 06/9/2022, ông H cho ông X vay số tiền 600 triệu đồng, các bên thỏa thuận không lấy lãi, thời hạn vay từ ngày 06/9/2022 đến ngày 07/12/2022. Việc vay tiền giữa ông H và ông X được lập thành hợp đồng vay tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng T. Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*.". Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*". Đối chiếu các căn cứ nêu trên, xét thấy hợp đồng vay tài sản ngày 06/9/2022 đáp ứng đủ yếu tố về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 gồm: yếu tố chủ thể, tính tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của xã hội, do đó hợp đồng vay mượn tiền ngày 06/9/2022 phát sinh hiệu lực. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, ông H đã gửi cho ông X bản sao hồ sơ khởi kiện, đồng thời Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông X biết nhưng đến nay ông X không có ý kiến đối với chứng cứ này. Đối chiếu Điều 280 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy ông H yêu cầu ông X có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 600 triệu đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: tại phiên tòa, ông H cũng như bà Minh là người đại diện theo ủy quyền của ông H yêu cầu ông X có nghĩa vụ trả tiền lãi tính từ ngày 08/12/2022 đến nay với số tiền là 19.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy do ông X vi phạm hợp đồng nên ông H yêu cầu ông X có nghĩa vụ trả số tiền lãi 19.400.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông X có nghĩa vụ trả cho ông H là 619.400.000 đồng.

[5] Nguyên đơn ông Trần Quang H không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội, do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.776.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang H đối với bị đơn ông Dương Văn X về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", cụ thể như sau:

Buộc ông Dương Văn X có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quang H số tiền 619.400.000 (sáu trăm mười chín triệu, bốn trăm nghìn) đồng, trong đó: tiền gốc 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, tiền lãi 19.400.000 (mười chín triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Dương Văn X có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 28.776.000 (hai mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Ông Trần Quang H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số XYZ ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Trần Quang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Ông Dương Văn X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như